

TRƯỜNG THCS:.....	BÀI KIỂM TRA KSCL CUỐI HỌC KÌ II NĂM HỌC: 2022 - 2023 MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 Thời gian: 90 phút <i>(Không kể thời gian giao đề)</i> <i>(HS làm bài trực tiếp vào bài kiểm tra)</i>	ĐIỂM
HỌ TÊN:.....		
LỚP:		

ĐỀ BÀI

I. ĐỌC - HIỂU (6.0 điểm) Đọc văn bản sau:

Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến

Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp, cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước.

Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!

Giờ cứu quốc đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, để giữ gìn đất nước.

Dù phải gian khổ kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!

Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm!

Kháng chiến thắng lợi muôn năm!

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 1946

Hồ Chí Minh

(Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 4, trang 480, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội 1995)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1 (0.5 điểm): Văn bản trên thuộc kiểu văn bản?

- A. Thông tin B. Báo chí C. Văn học D. Nghị luận

Câu 2 (0.5 điểm): Những ai là người tham gia vào cuộc kháng chiến của dân tộc ?

- A. Đàn ông, đàn bà C. Đàn ông, người già
B. Người già, người trẻ D. Mọi người Việt Nam nói chung

Câu 3 (0.5 điểm): Lí lẽ nào sau đây **không** được đề cập trong văn bản?

- A. Chúng ta cần đoàn kết lại để chống thực dân Pháp
- B. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc.
- C. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước.
- D. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, để giữ gìn đất nước.

Câu 4 (0.5 điểm): Tác giả viết văn bản trên nhằm mục đích gì?

- A. Kêu gọi nhân dân cùng nhau chống nạn thất học.
- B. Kêu gọi nhân dân cùng nhau đứng lên đánh giặc
- C. Kêu gọi nhân dân cùng nhau xây dựng đất nước.
- D. Kêu gọi nhân dân chống lại những hủ tục phong kiến.

Câu 5 (0.5 điểm): Vì sao chúng ta phải đứng lên kháng chiến?

- A. Vì Pháp tấn công đồng bào ta.
- B. Chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa.
- C. Thực dân Pháp ngày càng lấn tới.
- D. Pháp gây hấn đồng bào ta ở khắp mọi nơi.

Câu 6 (0.5 điểm): Theo tác giả, chúng ta đứng lên kháng chiến là để:

- A. Không bị mất nước, không phải làm nô lệ.
- B. Thể hiện lòng yêu nước của nhân dân ta
- C. Cuộc sống của nhân dân ta đủ đầy, hạnh phúc
- D. Không bị áp bức, đè nén trong xã hội.

Câu 7 (0.5 điểm): Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ tiêu biểu nào trong các câu văn sau:
“Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước”.

- A. Nói quá
- B. Nói giảm nói tránh
- C. Điệp ngữ
- D. So sánh

Câu 8 (0.5 điểm): Các câu sau đây sử dụng phép liên kết nào?

“Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới...!”

- A. Phép lặp
- B. Phép lặp, phép nối
- C. Phép nối
- D. Phép thế

Câu 9 (1.0 điểm): Vì sao tác giả nói *“thắng lợi nhất định về dân tộc ta”*?

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KSCL CUỐI HỌC KÌ II

Năm học 2022 - 2023

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0,5
	2	D	0,5
	3	A	0,5
	4	B	0,5
	5	B	0,5
	6	A	0,5
	7	C	0,5
	8	B	0,5
	9	<i>HS lí giải:</i> - Vì cuộc kháng chiến của nhân dân ta là cuộc kháng chiến chính nghĩa. (0,5 điểm) - Khi dân tộc ta đoàn kết, có lòng yêu nước thì sẽ tạo ra sức mạnh to lớn, có thể nhấn chìm mọi quân thù hùng mạnh. (0,5 điểm) (Hs có thể diễn đạt không chuẩn từ ngữ như gợi ý nhưng có ý hiểu đúng, Gv linh hoạt cho điểm phù hợp)	1,0
	10	<i>HS nêu một số việc làm của bản thân.</i> + Chăm chỉ học hành để rèn đức, luyện tài; 0,25 điểm + Nghe lời cha mẹ và thầy cô; 0,25 điểm + Yêu thương và giúp đỡ người khác; 0,25 điểm + Tích cực tham gia các hoạt động xã hội; 0,25 điểm +.... (HS có thể nêu những việc làm khác của bản thân thể hiện được lòng yêu nước, không vi phạm đạo đức, pháp luật. GV thấy hợp lý vẫn cho điểm tối đa 0,25 đ/ 1 ý.)	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một hiện tượng trong đời sống xã hội</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:	0,25
		1. Mở bài: - Giới thiệu vấn đề cần nghị luận và nêu ý kiến của bản thân về vấn đề đó.	0,5
		2. Thân bài <i>a. Giải thích</i>	1,5

	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích các từ ngữ, khái niệm quan trọng về vấn đề nghị luận <i>b. Bàn luận</i> - Khẳng định ý kiến tán thành hay phản đối của người viết về vấn đề nghị luận. - Đưa ra các lí lẽ, dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề. <i>c. Mở rộng</i> - Nhìn nhận vấn đề ở chiều hướng ngược lại, bổ sung ý cho vấn đề nghị luận toàn vẹn 	
	3. Kết bài <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lại ý kiến, đề xuất giải pháp, nêu bài học nhận thức và phương hướng hành động. 	0,5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. Chữ viết sạch đẹp, cẩn thận.	0,5
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, trình bày khoa học. Diễn đạt mạch lạc, lập luận sắc sảo, trôi chảy.	0,5

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Văn bản nghị luận	3	0	5	0	0	2	0	0	60
2	Viết	Nghị luận về một hiện tượng trong đời sống xã hội	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			3	0	5	0	0	2	0	1	100
Tỉ lệ %			15%		25%		20%		40%		
Tỉ lệ chung			40%				60%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7
THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1		Văn bản nghị luận	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận. - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận phân tích một tác phẩm văn học. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản. - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng. - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó. - Hiểu được các biện pháp tu từ như: nói quá, nói giảm nói tránh, điệp ngữ, so sánh; xác định được phép liên kết trong văn bản. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lý giải được vấn đề xuất phát từ văn bản - Nêu ra được các giải pháp được rút ra từ cuộc sống hàng ngày 	3TN	5TN	2TL	
2	Viết	Nghị luận về một vấn đề trong đời sống.	<p>Vận dụng cao:</p> <p>Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người</p>				1TL

			viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng				
--	--	--	--	--	--	--	--